

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2019/HNGĐ – ST**

Ngày: 23-7-2019

"V/v: Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Mạnh Dũng;

2/ Ông Nguyễn Quang Liêu;

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Dương Thế Nam – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 340/2018/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐST – HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Ph, sinh năm: 1956

Nơi cư trú: Thôn 2, xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Ông Dương Văn M, sinh năm: 1952

Nơi cư trú: Số nhà 11, thôn T, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 7 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Võ Thị Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Dương Văn M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1975, nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1987, năm 1986 ông Dương Văn M chơi cờ bạc không chăm lo làm ăn. Ông Dương Văn M và bà thiếu sự tin

tưởng lẫn nhau, bất đồng trong việc làm ăn kinh tế. Trước năm 1988 ông Dương Văn M nhiều lần bỏ đi nhưng thỉnh thoảng có quay về nhà. Đến năm 1986 thì ông Dương Văn M bỏ đi hẳn. Sau đó năm 1995 bà mang con cái lên xã Th, huyện B sinh sống. Từ đó vợ chồng không liên lạc, thăm hỏi, quan tâm gì nhau. Nay tình cảm các bên không còn, việc ly thân diễn ra thời gian dài nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Dương Văn M.

Về nuôi con chung: Bà và ông Dương Văn M có 06 con chung tên là Dương Tấn H1, sinh năm: 1975; Dương Tấn N sinh năm: 1981; Dương Tấn H2 sinh năm 1979, Dương Văn V sinh năm 1983, Dương Thị Kim Ph sinh năm 1985 và Dương Thị H sinh năm 1988.

Trong đó, 03 người con là Dương Tấn H1, sinh năm: 1975; Dương Tấn N sinh năm: 1981; Dương Tấn H2 sinh năm 1979 đã chết

Hiện nay 03 người con còn lại là Dương Văn V sinh năm 1983, Dương Thị Kim Ph sinh năm 1985 và Dương Thị H sinh năm 1988 đều đã thành niên có đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung: Bà và ông Dương Văn M không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Dương Văn M không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn phản tố ngày 27 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Dương Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Võ Thị Ph tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1974, nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định. Khi chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do về kinh tế, tiền bạc bà Võ Thị Ph thường lén lút cho gia đình bên ngoại, bà Võ Thị Ph hay ghen tuông vô cớ khiến gia đình lục đục nên ông đi nghỉ vụ một thời gian. Khi ông xuất ngũ thì bà Võ Thị Ph bỏ lại con về nhà ngoại sinh sống nên vợ chồng có mâu thuẫn. Đến năm 1978 vợ chồng quay lại sống với nhau. Từ năm 1981 ông chơi cờ bạc, bà Võ Thị Ph khuyên răn nhưng ông không nghe, bà Võ Thị Ph có những lời nói khiếm nhã khiến ông bất mãn. Ngoài ra bà Võ Thị Ph ngoại tình có đứa con riêng nên năm 1986 ông đi nơi khác sinh sống. Đến năm 1994 ông thường xuyên đi đi lại lại, thăm nom chăm sóc và phát triển vườn rẫy ở hai nơi. Cho đến năm 2005 con cái và bà Võ Thị Ph xúc phạm ông nên ông về tỉnh Lâm Đồng sinh sống. Từ đó các bên không liên lạc gì với nhau. Nay bà Võ Thị Ph yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn do mâu thuẫn của các bên không thể khắc phục được. Tuy nhiên, ông có ý kiến trước khi giải quyết ly hôn thì phải giải quyết về tài sản trước.

Về nuôi con chung: Ông hoàn toàn đồng ý lời trình bày của bà Võ Thị Ph về con chung. Hiện nay 03 người con còn lại là Dương Văn V sinh năm 1983, Dương Thị Kim Ph sinh năm 1985 và Dương Thị H sinh năm 1988 đều đã thành niên có đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung: Ông và bà Võ Thị Ph có các tài sản chung sau: 16 ha trên đất trồng cà phê, trồng cây điều tại Bàu C, xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); 05 ha trên đất trồng cây cà phê, cây điều và 01 căn nhà xây cấp 4 tại thôn 2, xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước. Ông yêu cầu giải quyết chia đôi tài sản, ông có nguyện vọng nhận bằng hiện vật.

Ngày 05/6/2019 ông có đơn xin rút yêu cầu phản tố. Hiện nay ông không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Ông và bà Võ Thị Ph không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào Điều 89 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Võ Thị Ph

Về nuôi con chung: Dương Văn V sinh năm 1983, Dương Thị Kim Ph sinh năm 1985 và Dương Thị H sinh năm 1988 đều đã thành niên có đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn ông Dương Văn M.

Về nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ:

* Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp:

Trích lục khai sinh đứng tên Dương Thị H; trích lục khai sinh đứng tên Dương Thị Kim Ph; sổ hộ khẩu + chứng minh nhân dân đứng tên Võ Thị Ph;

Giấy chứng thực sang nhượng đất canh tác lập ngày 9/01/2019 của Triệu Văn Ph (bản chính); giấy sang nhượng đất lập ngày 20/12/2005 (bản chính); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 194 ký ngày 31/12/1998 đứng tên Võ Thị Ph (bản photo); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01521 ký ngày 30/6/2014 đứng tên Võ Thị Ph (bản photo); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01518 ký ngày 30/6/2014 đứng tên Võ Thị Ph (bản photo);

* Tài liệu do bị đơn giao nộp:

Giấy chứng minh nhân dân đứng tên Dương Văn M (bản photo); đơn xin xác nhận lập ngày 30/12/2018 của ông Dương Văn M; đơn xin xác nhận hoàn cảnh khó khăn lập ngày 18/3/2019; đơn xin xác nhận lập ngày 04/01/2019; đơn xin xác nhận nội dung vụ tai nạn giao thông lập ngày 20/3/2019

* Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập:

Biên bản lấy lời khai ngày 07/9/2018 của ông Dương Văn M; Bản tự khai của bà Võ Thị Ph; Bản tự khai ngày 17/12/2018 của Dương Thị Kim Ph; Biên bản lấy lời khai ngày 17/10/2018 của bà Võ Thị Ph; Bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 8/10/2018 của ông Dương Văn M; Bản tự khai ngày 16/4/2019 của chị Dương Thị H; Biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2019 của ông Dương Văn M; Bản tự khai ngày 14/6/2019 của anh Dương Văn V; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ lập ngày 25/01/2019; Biên bản về việc thu thập tài liệu, chứng cứ lập ngày 26/02/2019; Biên bản lấy lời khai ngày 28/2/2019 của bà Võ Thị Ph; Biên bản lấy lời khai ngày 11/3/2019 của ông Dương Văn M;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án anh Dương Văn V, chị Dương Thị Kim Ph và chị Dương Thị H không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung, không yêu cầu về công sức đóng góp. Căn cứ vào khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định anh Dương Văn V, chị Dương Thị Kim Ph và chị Dương Thị H không có quyền lợi, nghĩa vụ trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đưa anh Dương Văn V, chị Dương Thị Kim Ph và chị Dương Thị H tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Thị Ph yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước giải quyết ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật là “ly hôn”. Ông Dương Văn M hiện đang cư trú tại thôn T, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Võ Thị Ph và ông Dương Văn M thỏa thuận giải quyết vụ án ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định

thẩm quyền giải quyết vụ án nói trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét: Quan hệ hôn nhân và gia đình giữa ông Dương Văn M và bà Võ Thị Ph được xác lập từ năm 1974. Khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết”*. Tại điểm a mục 3 Điều 1 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Toà án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000”*. Như vậy, có căn cứ xác định hôn nhân giữa ông Dương Văn M và bà Võ Thị Ph là hợp pháp và Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết.

[4] Về yêu cầu giải quyết ly hôn: Ông Dương Văn M và bà Võ Thị Ph đều thừa nhận trong thời gian chung sống giữa vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn. Ông Dương Văn M và bà Võ Thị Ph đều xác nhận vợ chồng sống ly thân với nhau thời gian dài, hai bên đều nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay hai bên đều không còn tình cảm với nhau và không có mong muốn đoàn tụ. Điều 89 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định: *“Toà án xem xét yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được thì Toà án quyết định cho ly hôn”*. Như vậy, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Ph.

Đối với yêu cầu của ông Dương Văn M về việc giải quyết về tài sản xong mới giải quyết ly hôn, nếu không giải quyết về tài sản thì ông không đồng ý ly hôn: Xét, tại phiên tòa ông Dương Văn M thừa nhận ông không còn tình cảm với bà Võ Thị Ph và ông không có mong muốn đoàn tụ với bà Võ Thị Ph. Như vậy, việc ông Dương Văn M không đồng ý ly hôn với bà Võ Thị Ph không phải xuất phát từ việc mong muốn cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ mà xuất phát từ lợi ích cá nhân khác. Đây là một dạng của việc cản trở việc ly hôn. Vì vậy, hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông Dương Văn M.

[5] Về nuôi con chung: Tại phiên tòa Bà Võ Thị Ph và ông Dương Văn M đều thừa nhận ông bà có 06 con chung tên là Dương Tấn H1, sinh năm: 1975; Dương Tấn N sinh năm: 1981; Dương Tấn H2 sinh năm 1979, Dương Văn V sinh năm 1983, Dương Thị Kim Ph sinh năm 1985 và Dương Thị H

sinh năm 1988. Trong đó, 03 người con là Dương Tấn H1, sinh năm: 1975; Dương Tấn N sinh năm: 1981; Dương Tấn H2 sinh năm 1979 đã chết.

Xét, hiện nay 03 người con còn lại của ông Dương Văn M và bà Võ Thị Ph là Dương Văn V sinh năm 1983, Dương Thị Kim Ph sinh năm 1985 và Dương Thị H sinh năm 1988 đều đã thành niên có đủ năng lực hành vi dân sự. Ông Dương Văn M, bà Võ Thị Ph, anh Dương Văn V, chị Dương Thị Kim Ph và chị Dương Thị H không yêu cầu giải quyết về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng đối với anh Dương Văn V, chị Dương Thị Kim Ph và chị Dương Thị H.

[6] Đối với yêu cầu chia tài sản chung: Ngày 28/9/2018 ông Dương Văn M có đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung. Ngày 05/6/2019 ông Dương Văn M có đơn xin rút yêu cầu phản tố về chia tài sản chung. Bà Võ Thị Ph không yêu cầu giải quyết về tài sản. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của ông Dương Văn M về yêu cầu chia tài sản chung; Nếu sau này đương sự khởi kiện lại thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về nợ chung: Bà Võ Thị Ph và ông Dương Văn M đều thừa nhận ông bà không có nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tài sản: Khoản 5 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Đối với các trường hợp đình chỉ giải quyết vụ án khác theo quy định của Bộ luật này thì người yêu cầu xem xét, thẩm định phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ”*. Do đó, ông Dương Văn M phải nộp chi phí xem xét, thẩm định tài sản (đã nộp xong).

[9] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, nguyên đơn bà Võ Thị Ph phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[10] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 89 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 5 Điều 157; Khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Ph, bà Võ Thị Ph được ly hôn với ông Dương Văn M.

2. Về nuôi con chung: Anh Dương Văn V sinh năm 1983, Chị Dương Thị Kim Ph sinh năm 1985 và chị Dương Thị H sinh năm 1988 đã thành niên có đủ năng lực hành vi dân sự, không ai yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

3. Về chia tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của ông Dương Văn M về yêu cầu chia tài sản chung; Nếu sau này đương sự khởi kiện lại thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tài sản: Bị đơn ông Dương Văn M phải nộp tiền chi phí xem xét, thẩm định tài sản *(đã nộp xong)*.

6. Về án phí: Nguyên đơn bà Võ Thị Ph phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0022263 ngày 07 tháng 8 năm 2018 của chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước *(đã nộp xong)*.

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/7/2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh